

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT

Ngày 19-01-2018

V/v Tranh chấp HĐ thế chấp

tài sản liên quan đến HĐ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam.

Các Thẩm phán: Ông Lê Anh Dũng;

Ông Nguyễn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Bà Đặng Thị Thanh Hoàng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2017/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản liên quan đến hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Lô 2B Khu đô thị mới M, huyện T, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê T – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: 14 N, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2015*).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T; địa chỉ: Phòng 209, dãy C, gác 2, khu chung cư L, phường P, thành phố H, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thiềm Công K, chị Thiềm Thị Phương M; cùng địa chỉ: Phòng 209, dãy C, gác 2, khu chung cư L, phường P, thành phố H, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của chị Thiềm Thị Phương M: Ông Thiềm Công K (*Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2017*).

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/01/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T có ký với Chi nhánh Ngân hàng N khu vực Triệu Hải (nay là Chi nhánh Ngân hàng N huyện T, tỉnh Quảng Trị) các hợp đồng tín dụng để kinh doanh xăng dầu với nhiều khế ước vay tiền từ năm 2009 đến năm 2011. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà Trần Thị Minh T, ông Thiềm Công K và Ngân hàng đã ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/PL-BĐTV ngày 25/07/2012 với nội dung: Bà Trần Thị Minh T và ông Thiềm Công K thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 783m², thửa đất số 06, tờ bản đồ số 01 và tài sản gắn liền với đất là công trình cây xăng dầu và công trình phụ diện tích 168m² tại tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số X549701 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp ngày 10/11/2003 cho hộ ông Thiềm Công K. Nghĩa vụ được bảo đảm là 3.360.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/2/2011 với nội dung: Ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 986m², thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01 tại tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo GCNQSDĐ số BA 646456 do UBND huyện T cấp ngày 16/12/2010 cho ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T. Nghĩa vụ được bảo đảm là 317.000.000 đồng.

Tại Bản án KDTM sơ thẩm số 01/2014/KDTM-ST ngày 10/4/2014, Tòa án nhân dân (TAND) huyện T đã xử: Buộc bà Trần Thị Minh T và ông Thiềm Công K phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi là 3.925.182.000 đồng. Trường hợp bà T và ông K không trả đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại Bản án KDTM phúc thẩm số 01/2015/KDTM-PT ngày 14/01/2015, TAND tỉnh Quảng Trị đã sửa án sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Minh T và ông Thiềm Công K phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi 3.623.726.621 đồng. Trường hợp bà T và ông K không trả đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 14/2016/QĐ-GĐT ngày 29/8/2016, TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy một phần bản án sơ thẩm và phúc thẩm về phần xử lý tài sản thế chấp, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nay Ngân hàng N đề nghị Tòa án công nhận các Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011 nêu trên có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị Minh T trình bày:

Đối với khoản tiền vay, đề nghị Tòa án xem xét lại các khoản vay sau:

- Khoản vay ngày 29/8/2009, số tiền vay 140.000.000 đồng, thế chấp tài sản của ông Trần Văn C và bà Phan Thị T ở đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Bà T đã trả hết nợ.

- Khoản vay ngày 14/4/2010 tại Hợp đồng tín dụng số 3909-LAV-2010, bà T đã trả đủ số tiền gốc 300.000.000 đồng vào ngày 15/4/2011 vì theo phụ lục hợp đồng kèm theo thì ở phần “THEO DÕI THU NỢ”, kế toán Ngân hàng sau khi thu tiền đã ghi “HẾT NỢ”.

- Khoản vay ngày 23/12/2010 số tiền vay 300.000.000 đồng bà T đã trả đủ khoản nợ vào ngày 09/8/2011 số tiền gốc 300.000.000 đồng và số tiền lãi 35.641.667 đồng, vì tại phụ lục của Hợp đồng tín dụng số 3909-LAV-2009, phần “THEO DÕI THU NỢ” có ghi mục dư nợ “KHÔNG”.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010, bà T và ông K đã trả hết nợ vào ngày 09/8/2011 nhưng đến nay Ngân hàng vẫn chưa trả lại GCNQSDĐ số BA 646456 cấp ngày 16/12/2010 cho bà T, ông K nên đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng phải trả GCNQSDĐ này lại cho bà T, ông K.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số X549701 ngày 10/11/2003. Đất cấp cho hộ gia đình ông Thiềm Công K nhưng bà Thiềm Thị Phương M (con gái ông K, bà T) không ký vào hợp đồng thế chấp là vi phạm nên đề nghị Tòa án xem xét.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thiềm Công K trình bày: Nhất trí với nội dung trình bày của bà Trần Thị Minh T.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thiềm Thị Phương M trình bày: Nhất trí với nội dung trình bày của bà Trần Thị Minh T.

Bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của TAND huyện T, tỉnh Quảng Trị quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 299, Điều 317, khoản 1 Điều 318, Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất đai 2013, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010 ký kết giữa Phòng giao dịch A – Chi nhánh Ngân hàng N khu vực T (nay là Chi nhánh Ngân hàng N huyện T) với bên thế chấp là ông Thiềm Công K và bên vay vốn là Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T do bà Trần Thị Minh T làm chủ doanh nghiệp và Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011 ký kết giữa Phòng giao dịch A – Chi nhánh Ngân hàng N khu vực T (nay là Chi nhánh Ngân hàng N huyện T) với bên thế chấp là Doanh nghiệp xăng dầu T do bà Trần Thị Minh T làm chủ doanh nghiệp và đồng sở hữu tài sản là ông Thiềm Công K có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Trần Thị Minh T và ông Thiêm Công K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản tiền gốc và lãi 3.623.726.621 đồng (trong đó tiền gốc 2.838.203.308 đồng, tiền lãi trong hạn 271.331.319 đồng và tiền lãi quá hạn 514.191.994 đồng) theo Bản án KDTM phúc thẩm số 01/2015/KDTM-PT ngày 14/01/2015 của TAND tỉnh Quảng Trị thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp được xử lý gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 986m² tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01 thuộc tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo GCNQSDĐ số BA 646456 do UBND huyện T cấp ngày 16/12/2010 cho ông Thiêm Công K và bà Trần Thị Minh T (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010).

- Quyền sử dụng đất diện tích 783m² tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 01 và tài sản gắn liền với đất là công trình cây xăng dầu và công trình phụ diện tích 168m² thuộc tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo GCNQSDĐ số X549701 do UBND huyện T cấp ngày 10/11/2003 cho hộ ông Thiêm Công K (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/10/2017, bị đơn bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 06/11/2017, bà T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Đề nghị Tòa án xem xét khấu trừ các khoản tiền mà bị đơn đã trả cho Ngân hàng N vào số tiền nợ gốc.

- Đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng N trả lại GCNQSDĐ số BA 646456 theo Hợp đồng thế chấp số 47/TC ngày 23/12/2010 cho ông K, bà T.

- Đề nghị Tòa án xem xét lại giá trị pháp lý của Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011, vì tài sản thế chấp là tài sản chung của hộ gia đình chứ không phải là tài sản riêng của bà T và ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp số 672/TC ngày 22/02/2011 có liên quan đến cụ Trần Hữu T (cha đẻ của bà T) hay không. Do đề nghị này của Viện kiểm sát đã không được HĐXX chấp nhận sau khi thảo luận nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng

khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án KDTM sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của TAND huyện T về Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần bị hủy theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo Quyết định giám đốc thẩm số 14/2016/QĐ-GĐT ngày 29/8/2016 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, theo đó Tòa án cấp cao giao TAND huyện T xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm về phần bị hủy (phần xử lý tài sản thế chấp). Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản liên quan đến hợp đồng tín dụng*” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án xem xét khấu trừ các khoản tiền mà bị đơn đã trả cho Ngân hàng vào số tiền nợ gốc, HĐXX thấy rằng:

Quyết định giám đốc thẩm số 14/2016/KDTM-GĐT ngày 29/8/2016 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên hủy một phần (phần xử lý tài sản thế chấp) Bản án sơ thẩm số 01/2014/KDTM-ST ngày 10/4/2014 của TAND huyện T và Bản án phúc thẩm số 01/2015/KDTM-PT ngày 14/01/2015 của TAND tỉnh Quảng Trị. Như vậy, phần quyết định về nghĩa vụ trả nợ của bà Trần Thị Minh T với Ngân hàng N (số tiền nợ 3.623.726.621 đồng) đã có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử sơ thẩm lại vụ án đối với phần bị hủy là phần xử lý tài sản thế chấp. Do đó, nội dung kháng cáo này của bị đơn không thuộc phạm vi xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án buộc Ngân hàng N phải trả lại GCNQSDĐ số BA 646456 theo Hợp đồng thế chấp số 47/TC ngày 23/12/2010 cho ông K, bà T, HĐXX thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-2010 được ký kết giữa Ngân hàng N và bà Trần Thị Minh T ngày 27/12/2010, số tiền vay 300.000.000 đồng, hình thức bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp số 47/TC ngày 23/12/2010. Khoản vay này bà T đã trả hết nợ gốc và lãi. Ngân hàng cũng thừa nhận khoản vay được tất toán ngày 09/8/2011 và không khởi kiện yêu cầu trả nợ đối với khoản vay này. Sau khi tất toán, bên thế chấp tài sản là ông K, bà T không yêu cầu giải chấp tài sản để lấy lại GCNQSDĐ mà ngày 15/9/2011, bà T và ông K tiếp tục thế chấp tài sản tại Hợp đồng thế chấp số 47/TC nói trên để đảm bảo cho các khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 3909-LAV-2011. Điều này thể hiện ở Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 3909-LAV-2011, cụ thể là: *Bảo đảm tiền vay thực hiện theo HĐTC tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011 và HĐTC tài sản bên thứ 3*

số 47 ngày 23/12/2010. Do bà T chưa trả hết nợ các khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 3909-LAV-2011 ngày 15/9/2011 nên việc Ngân hàng không trả lại GCNQSDĐ số BA 646456 do UBND huyện T cấp ngày 16/12/2010 cho bà T và ông K là đúng pháp luật.

Do đó, nội dung kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án công nhận giá trị pháp lý của Hợp đồng thế chấp số 672/TC ngày 22/02/2011 do tài sản thế chấp là tài sản chung của hộ gia đình, HĐXX thấy rằng:

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 672/TC ngày 22/02/2011 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 01, diện tích 783m² tại tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị, do UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số X549701 ngày 10/11/2003 cho hộ ông Thiềm Công K. Sau khi có quyết định giám đốc thẩm số 14/2016/QĐ-GĐT ngày 29/8/2016 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và làm rõ: Nguồn gốc tài sản thế chấp là tài sản của cá nhân cụ Hoàng Thị D để lại thừa kế cho ông K, bà T. Đối với cụ Trần Hữu T là cha đẻ của bà T, tại phiên tòa phúc thẩm bà T và ông K đã nhiều lần khẳng định cụ T không liên quan gì đến tài sản thế chấp bởi cụ T tập kết ra bắc từ năm 1945 và sinh sống ở H cho đến nay. Đối với phần diện tích đất biến động tăng thêm được sử dụng ổn định và không có tranh chấp nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ D. Hồ sơ đăng ký đất đai cũng thể hiện nội dung “...xin thay đổi tên trên GCNQSDĐ cho con là Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T được toàn quyền sử dụng”. Ngoài ra, tại công văn số 1505/UBND ngày 03/7/2017, UBND huyện T cũng thừa nhận việc cấp GCNQSDĐ cho “hộ ông Thiềm Công K” là chưa phù hợp với Bản cam kết thay lời di chúc về chủ quyền tài sản cá nhân bà Hoàng Thị D ký ngày 27/7/1995 mà phải cấp cho ông K, bà T mới đúng. Chị Thiềm Thị Phương M là con gái của ông K, bà T nhưng không có quyền lợi gì trong khối tài sản mà cụ D để lại thừa kế cho ông K, bà T. Chị M cũng không chứng minh được quyền lợi của mình khi đóng góp tài sản vào doanh nghiệp như thế nào trong quá trình giải quyết vụ án. Ông K và bà T có toàn quyền định đoạt đối với tài sản mà mình nhận thừa kế.

Mặt khác, theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì Doanh nghiệp tư nhân là loại hình do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Do đó bà T (là chủ doanh nghiệp) và ông K (bên thứ ba) ký hợp đồng thế chấp số 672/TC ngày 22/02/2011 với Ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Doanh nghiệp xăng dầu T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo Hợp đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó nội dung kháng cáo này của bị đơn là không có cơ sở, cần công nhận hiệu lực pháp luật của Hợp đồng thế chấp số 672/TC ngày 22/02/2011.

[5] Về phạm vi bảo đảm của các hợp đồng thế chấp số 47/TC và 672/TC đối với các hợp đồng tín dụng:

Theo quyết định của Bản án KDTM phúc thẩm số 01/2015/KDTM-PT ngày 14/01/2015 của TAND tỉnh Quảng Trị về phần nghĩa vụ trả nợ đã có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền 3.623.726.621 đồng (*trong đó nợ gốc 2.838.203.308 đồng, tiền lãi trong hạn 271.331.319 đồng, tiền lãi quá hạn 514.191.994 đồng*) theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Xét phạm vi bảo đảm của các tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011, HĐXX thấy:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010 được bảo đảm cho các khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-2011 ngày 15/9/2011. Nghĩa vụ được bảo đảm là 317.000.000 đồng (*Ba trăm mười bảy triệu đồng*).

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011 được bảo đảm cho các khoản vay tại các Hợp đồng tín dụng sau:

- + Hợp đồng tín dụng số 3909-LAV-2009 ngày 28/9/2009.

- + Hợp đồng tín dụng số 3909-LAV-2010 ngày 14/4/2010.

- + Hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-2011 ngày 15/9/2011.

Nghĩa vụ được bảo đảm là 3.360.000.000 đồng (*Ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

Do đó, trường hợp bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền trên thì ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay. Nếu ông K và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xử lý tài sản thế chấp tại các Hợp đồng thế chấp số 47/TC ngày 23/12/2010 và Hợp đồng thế chấp số 672/TC ngày 22/02/2011 theo phạm vi bảo đảm phân tích ở trên.

[6] Từ sự phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật, một số chứng cứ còn thiếu đã được cấp phúc thẩm bổ sung đầy đủ, làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm. Bản án sơ thẩm đã đánh giá một cách toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận, cần bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án KDTM sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của TAND huyện T về Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần bị hủy theo thủ tục sơ thẩm. HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện T.

Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 299, Điều 317, khoản 1 Điều 318, Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất đai 2013, xử: Tuyên bố các hợp đồng thế chấp tài sản sau có hiệu lực pháp luật:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010 ký kết giữa bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch A – Chi nhánh Ngân hàng N khu vực T (nay là Chi nhánh Ngân hàng N huyện T), bên thế chấp là ông Thiềm Công K và bên vay vốn là Doanh nghiệp xăng dầu T do bà Trần Thị Minh T làm Chủ doanh nghiệp.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011 ký kết giữa bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch A – Chi nhánh Ngân hàng N khu vực T (nay là Chi nhánh Ngân hàng N huyện T) với bên thế chấp là Doanh nghiệp xăng dầu T do bà Trần Thị Minh T làm Chủ doanh nghiệp và đồng sở hữu tài sản là ông Thiềm Công K có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi 3.623.726.621 đồng (*trong đó tiền nợ gốc 2.838.203.308 đồng, tiền lãi trong hạn 271.331.319 đồng, tiền lãi quá hạn 514.191.994 đồng*) thì ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay. Nếu ông K và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Trị xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số 47/TC ngày 23/12/2010 và Hợp đồng thế chấp số 672/TC ngày 22/02/2011 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 986m² tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 01 thuộc tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 646456 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/12/2010 cho ông Thiềm Công K và bà Trần Thị Minh T (*theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/TC ngày 23/12/2010*).

- Quyền sử dụng đất diện tích 783m² tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 01 và tài sản gắn liền với đất là công trình cây xăng dầu và công trình phụ diện tích 168m² thuộc tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X549701 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/11/2003 cho hộ ông Thiềm Công K (*theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 672/TC ngày 22/02/2011*).

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T phải chịu 2.000.000 đồng án phí KDTM phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0004147 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Trị. Bà Thành đã nộp đủ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự: Bị đơn bà Trần Thị Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) này cho nguyên đơn Ngân hàng N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/01/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Viết Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Anh Dũng

Nguyễn Cường

Đình Viết Nam